

UBND TỈNH HÀ NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KH-SNN

Hà Nam, ngày tháng 2 năm 2022

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025
Ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; Chương trình hành động của Tỉnh ủy: Số 22-CTr/TU ngày 24/6/2021 thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025; số 23-CTr/TU ngày 24/6/2021 thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; số 36-CTr/TU ngày 15/10/2021 thực hiện Kết luận số 11-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương và các Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia, đầu tư công 5 năm 2021-2025; Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 01/12/2021 của Tỉnh ủy về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 15/9/2021 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định: 1357/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt quy hoạch phát triển nông nghiệp tỉnh Hà Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2035;

Thực hiện công văn số 306/UBND-TH ngày 28/1/2022 của UBND tỉnh về việc xây dựng dự thảo chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết, Chương trình hành động của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

Sở Nông nghiệp & PTNT xây dựng Chương trình hành động phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 Ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2016-2020

Trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức nhưng dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Ngành nông nghiệp & PTNT đã đạt được một số kết quả như sau:

Giá trị sản phẩm bình quân lĩnh vực trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2020 đạt 121,6 triệu đồng/ha, tăng 31,2% so với năm 2015¹; an ninh lương thực được đảm bảo. Giá trị sản xuất ngành nông, lâm ngư nghiệp giai đoạn 2016-2020 tăng **1,15%/năm**². Cơ cấu giá trị sản xuất năm 2020 của ngành nông nghiệp đã chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi - thủy sản, giảm dần tỷ trọng trồng trọt - lâm nghiệp, cụ thể: Trồng trọt - lâm nghiệp (37%), chăn nuôi - thủy sản (56,5%), vượt mục tiêu đề ra³. Chương trình xây dựng nông thôn mới được chú trọng, đến năm 2020 có 100% số xã (83/83 xã) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 09 xã được công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu⁴; 6/6 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn nông thôn mới và đặc biệt tỉnh Hà Nam được Thủ tướng Chính phủ công nhận tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020, là một trong bốn tỉnh đầu tiên của cả nước được Thủ tướng công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, vượt mục tiêu đề ra. Tỷ lệ lao động nông nghiệp giảm còn 25,5%, vượt mục tiêu đề ra (*Mục tiêu năm 2020 dưới 30%*). Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh năm 2020 đạt 96% vượt so mục tiêu đề ra (*Mục tiêu năm 2020 đạt 95%*).

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Mục tiêu tổng quát

Trong giai đoạn tới, Ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn sẽ tiếp tục mục tiêu cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của nông sản. Đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp, phát triển nền nông nghiệp **an toàn, nông nghiệp sạch, hữu cơ** đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ sản xuất đối với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm chất lượng cao, sản phẩm đặc sản để tổ chức sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn theo chuỗi giá trị gắn với xây dựng nhãn hiệu sản phẩm nông sản. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật và nâng cao tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp phải phù hợp với quy hoạch, tiềm năng và lợi thế của từng vùng, địa phương; có sự tham gia của các thành phần kinh tế, nhất là các doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ hợp tác liên kết

¹ Giá trị sản phẩm Giá trị sản phẩm trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2015 đạt 92,7 triệu đồng/ha.

² Giá trị sản xuất năm 2015 đạt 7.66,4 tỷ đồng; năm 2016 đạt 7.885,3 tỷ đồng; năm 2017 đạt 7.668,1 tỷ đồng; năm 2020 đạt **8.118,6 tỷ đồng**.

³ Mục tiêu năm 2020: Trồng trọt - lâm nghiệp 39%; chăn nuôi - thủy sản 54%.

⁴ Xuân Khê, Nhân Bình huyện Lý Nhân; Thanh Sơn, Thi Sơn huyện Kim Bảng; An Đông huyện Bình Lục; Mộc Bắc thị xã Duy Tiên; Phù Vân thành phố Phủ Lý và Thanh Nguyên, Liêm Phong huyện Thanh Liêm.

giữa các hộ nông dân để tổ chức sản xuất, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn. Tập trung huy động các nguồn lực để xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với bảo vệ môi trường nông thôn. Tiếp tục triển khai mạnh mẽ chương trình xây dựng nông thôn mới thực chất, hiệu quả, bền vững; xây dựng các xã, huyện nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản giai đoạn 2021 - 2025 tăng bình quân 1,9%/năm (*giá SS 2010*) và chiếm 6,3% trong tổng cơ cấu kinh tế của tỉnh.

2.2. Cơ cấu nội bộ ngành: chăn nuôi - thủy sản chiếm 55%, trồng trọt - lâm nghiệp chiếm 35%, dịch vụ nông nghiệp chiếm 10%; giá trị sản phẩm/đơn vị diện tích đất canh tác đạt 150 triệu đồng/ha/năm.

2.3. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch đạt 1,5 đến 2,0% tổng diện tích đất nông nghiệp. Tỷ lệ sử dụng phân bón hữu cơ đạt trên 25%, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học đạt trên 30%.

2.4. Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông, lâm, thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt trên 35%

2.5. Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất lúa: thu hoạch đạt 90%, gieo trồng đạt 60%, bảo quản chế biến đạt 50%.

2.6. Tỷ lệ lao động nông nghiệp/tổng lao động xã hội còn dưới 20%; lao động nông nghiệp được đào tạo đạt trên 55%. Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020.

2.7. Tỷ lệ hộ dân nông thôn được dùng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 100% (*trong đó sử dụng nước sạch từ các nhà máy cung cấp nước sạch tập trung là 90%*).

2.8. Có 01 huyện và 35 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

3. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

3.1. Lĩnh vực trồng trọt

- Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa, chuyển đổi đất trồng lúa năng suất thấp, kém hiệu quả sang trồng các loại cây có hiệu quả kinh tế cao và các loại cây trồng, sản phẩm chủ lực; phát triển sản xuất theo hướng nông nghiệp sạch, an toàn (hữu cơ, VietGAP và tương đương); nông nghiệp thông minh; sản xuất tập trung quy mô lớn, sản phẩm chất lượng cao gắn với ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Đối với cây lúa: Đến năm 2025, ổn định diện tích đất trồng lúa là 27.000 ha với diện tích gieo trồng 54.000 ha/năm, trong đó diện tích gieo trồng lúa chất lượng cao đạt ít nhất 29.000ha/năm, chiếm trên 50% diện tích gieo trồng lúa; sản lượng lúa đạt khoảng trên 323.000 tấn/năm, trong đó sản lượng lúa chất lượng cao đạt trên 158.000 tấn/năm, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong tỉnh và thị trường trong nước, xuất khẩu. Đẩy mạnh phát triển sản xuất lúa sạch, an toàn (hữu cơ,

VietGAP và tương đương) và đa dạng các sản phẩm chế biến từ gạo và phụ phẩm lúa gạo (rom, rạ, trấu, cám) để tăng giá trị gia tăng. Phát triển trồng lúa chủ yếu tại huyện Bình Lục, Lý Nhân và một số địa phương tại các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh.

- Đối với cây rau, củ, quả, cây dược liệu: Đến năm 2025, diện tích gieo trồng các loại rau, củ, quả, cây dược liệu đạt 10.000 ha (*tăng thêm 950 ha so với năm 2020*), sản lượng đạt trên 180.000 tấn/năm; phát triển các vùng sản xuất tập trung đã được quy hoạch, các vùng đất màu, đất bãi ven sông tại huyện Lý Nhân, Bình Lục và huyện Kim Bảng; áp dụng quy trình sản xuất hữu cơ, VietGAP và tương đương đảm bảo an toàn thực phẩm gắn với liên kết theo chuỗi giá trị chuỗi giá trị; đáp ứng 100% sản lượng rau, củ, quả cung cấp phục vụ cho các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Đối với cây ăn quả: Duy trì, cải tạo và mở rộng diện tích cây ăn quả hiện có; phát triển những vùng sản xuất cây ăn quả tập trung chuyên canh theo hướng sản xuất hàng hóa đạt cả về năng suất và giá trị, đặc biệt những vùng quy hoạch chuyển đổi đất lúa sang trồng cây ăn quả. Xây dựng các mối liên kết theo chuỗi giá trị và xây dựng nhãn hiệu cho một số sản phẩm chủ lực, vùng sản xuất như trồng Chuối (huyện Lý Nhân, Thị xã Duy Tiên), Vải (huyện Kim Bảng); Nhãn (huyện Kim Bảng, Lý Nhân), Bưởi, Cam, Quýt (thị xã Duy Tiên, huyện Bình Lục và Lý Nhân), Ôi (thị xã Duy Tiên và huyện Lý Nhân); Na (huyện Kim Bảng). Đến năm 2025, diện tích cây ăn quả đạt khoảng 6.600ha, (*tăng khoảng 665 ha so với năm 2020*), với sản lượng cho thu hoạch khoảng 73.000 tấn/năm.

- Đối với cây hoa, cây cảnh: Ngoài việc duy trì diện tích trồng hoa hiện tại ở các địa phương để cung cấp nhu cầu hoa tại chỗ, tập trung đầu tư sản xuất hoa theo hướng công nghệ cao cho những địa phương đã có nghề trồng hoa lâu đời và có hiệu quả kinh tế cao để phát triển các loại hoa, cây cảnh cao cấp gắn với du lịch sinh thái như: xã Phù Vân của thành phố Phủ Lý, xã Bình Nghĩa, xã Vụ Bản huyện Bình Lục, thị trấn Ba Sao huyện Kim Bảng, xã Liêm Càn, Liêm Phong huyện Thanh Liêm. Đến năm 2025, diện tích trồng hoa, cây cảnh đạt khoảng 500 ha (*tăng thêm 12ha so năm 2020*).

- Xây dựng mã số vùng trồng đối với các vùng trồng rau, cây ăn quả có diện tích lớn, tập trung.

3.2. Lĩnh vực chăn nuôi

Phát triển ngành chăn nuôi của tỉnh phù hợp với chiến lược phát triển chăn nuôi của cả nước trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi quy mô trang trại, hộ chăn nuôi chuyên nghiệp, áp dụng chăn nuôi an toàn sinh học; tăng cường phát triển các chuỗi liên kết trong chăn nuôi. Tiếp tục khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển chăn nuôi quy mô lớn và các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi. Đảm bảo an toàn dịch bệnh cho đàn gia súc,

gia cầm và không chế có hiệu quả các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trong chăn nuôi. Cụ thể đối với các đối tượng nuôi chủ yếu như sau:

- Đối với chăn nuôi lợn: Tiếp tục phát triển chăn nuôi lợn quy mô trang trại, hộ chăn nuôi chuyên nghiệp áp dụng chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường. Phần đầu tỷ lệ đàn lợn nuôi theo hình thức trang trại, hộ chăn nuôi chuyên nghiệp chiếm trên 70% về tổng đàn và 80% về tổng sản lượng. Tập trung phát triển đàn lợn tại 2 huyện trọng điểm về nông nghiệp là huyện Bình Lục, Lý Nhân và một số xã quy hoạch phát triển nông nghiệp của tỉnh; đến năm 2025 tổng đàn lợn đạt khoảng 400 nghìn con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt khoảng 72 nghìn tấn.

- Đối với chăn nuôi trâu, bò: Phát triển ổn định đàn bò sữa và đàn trâu hiện có; tiếp tục phát triển đàn bò hướng thịt chất lượng cao. Tập trung phát triển đàn trâu, bò tại thị xã Duy Tiên, huyện Lý Nhân, huyện Bình Lục và một số xã thuộc huyện Thanh Liêm, Kim Bảng. Tiếp tục cải tạo, nâng cao chất lượng giống bò sữa, bò thịt bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo, phần đầu đến năm 2025 toàn tỉnh có trên 50% số bò cái nền được lai tạo đủ điều kiện để nhân giống bò thịt chất lượng cao (chất lượng bò cái nền đạt từ 70% máu Zebu trở lên); tổng đàn trâu, bò đạt 39 nghìn con (trong đó có 5.000 con bò sữa), sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 2.700 tấn, sản lượng sữa tươi đạt khoảng 12 nghìn tấn.

- Chăn nuôi gia cầm: Phát triển chăn nuôi gia cầm quy mô trang trại nhằm đạt mục tiêu đến năm 2025, tỷ lệ chăn nuôi gia cầm trang trại công nghiệp chiếm 55% tổng đàn, 65% về tổng sản lượng; tập trung phát triển đàn gia cầm tại các huyện Lý Nhân, Bình Lục và thị xã Duy Tiên. Phát triển khoảng 500 trang trại chăn nuôi gia cầm áp dụng công nghệ đệm lót sinh học để xử lý môi trường và 150 trang trại gà đẻ trứng, gà thịt áp dụng nuôi chuồng kín quy mô chăn nuôi từ 10.000 con/lứa trở lên. Chuyển đổi cơ cấu giống theo hướng nâng cao tỷ trọng gà lông màu (gà Đông Tảo, Đông Tảo lai, gà Ri lai, gà siêu trứng...) và các giống thủy cầm có năng suất, chất lượng cao (vịt siêu nạc VCN/ĐX-STAR, vịt siêu thịt VCN/ĐX-MT,...). Đến năm 2025, dự kiến tổng đàn gia cầm đạt khoảng 9,1 triệu con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 24.200 tấn, sản lượng trứng đạt 300 triệu quả.

3.3. Lĩnh vực thủy sản

- Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng đẩy mạnh nuôi thâm canh, bán thâm canh, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới tại các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, các vùng chuyển đổi đất lúa sang nuôi trồng thủy sản.

- Duy trì hoạt động hiệu quả các HTX Nuôi trồng thủy sản, các mô hình nuôi cá ứng dụng công nghệ "sông trong ao", các vùng nuôi cá lồng trên sông Hồng hiện có; tiếp tục xây dựng và mở rộng thêm các mô hình, cơ sở nuôi mới.

- Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu nuôi trồng thủy sản theo hướng tăng tỷ trọng các đối tượng nuôi có năng suất, giá trị kinh tế cao như cá trắm cỏ, trắm đen, cá chép lai, rô phi đơn tính, cá quả, cá lăng đen, ốc nhồi,...

- Đến năm 2025, duy trì tổng diện tích nuôi trồng thủy sản khoảng 5.500 ha, tổng sản lượng thủy sản đạt khoảng 26.500 tấn (trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt khoảng 26.000 tấn, sản lượng thủy sản khai thác 500 tấn).

3.4. Lĩnh vực lâm nghiệp

- Làm tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng; sử dụng, khai thác có hiệu quả tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp nhằm bảo vệ môi trường, phát triển du lịch sinh thái, bảo tồn nguồn gen. Duy trì ổn định diện tích rừng, đất lâm nghiệp hiện nay, đến năm 2025 tỷ lệ che phủ rừng đạt 4,5%.

- Phấn đấu đến năm 2025, toàn tỉnh trồng được 05 triệu cây xanh ở các khu đô thị và nông thôn nhằm góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, cải thiện cảnh quan và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Xây dựng Khu bảo tồn loài Voọc Mông trắng và sinh cảnh tại khu rừng tự nhiên huyện Kim Bảng.

3.5. Phát triển hạ tầng thủy lợi, nâng cao năng lực phòng chống và giảm nhẹ thiên tai

- Rà soát, đánh giá năng lực hệ thống công trình thủy lợi để đầu tư đáp ứng yêu cầu tưới tiêu theo hướng đa chức năng để phục vụ nuôi trồng thủy sản, thâm canh cây trồng, tiêu thoát nước cho dân sinh và các khu công nghiệp; tập trung vốn đầu tư cho công trình thủy lợi đầu mối, các dự án trọng điểm, hệ thống công trình tưới, tiêu (nâng cấp, cải tạo và xây mới các trạm bơm; cải tạo, nạo vét các trục tiêu...); hỗ trợ về công nghệ, dịch vụ tư vấn về các phương pháp tưới tiết kiệm nước; đầu tư trang thiết bị nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

- Tăng cường áp dụng các giải pháp tưới tiết kiệm nước cho các loại cây trồng. Đầu tư cho thủy lợi gắn kết với hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tại các địa phương có diện tích mặt nước lớn, tập trung.

- Củng cố, nâng cấp các tuyến đê nhằm đảm bảo an toàn chống lũ thiết kế và phấn đấu chống lũ cao hơn; kết hợp hệ thống đê sông với đường giao thông. Tổ chức duy tu, tu bổ đê điều hàng năm theo nguồn kinh phí do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý và nguồn vốn tu bổ đê điều của tỉnh.

- Làm tốt công tác tuyên truyền, phối kết hợp các ngành, địa phương trong việc giải quyết dứt điểm các tồn tại cũng như không phát sinh mới các vụ vi phạm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi.

- Chủ động phòng, chống và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra, nâng cao mức đảm bảo tiêu thoát nước, chống úng ngập, bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu. Chuẩn bị đầy đủ mọi điều kiện để sẵn sàng ứng phó trước mùa mưa bão. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý Nhà nước về khai thác bảo vệ công trình thủy lợi, hệ thống đê điều.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai: Nâng cấp trang thiết bị, công nghệ theo dõi, phân tích, dự báo, cảnh báo thiên tai, ứng dụng công nghệ dự báo tiên tiến về thiên tai.

3.6. Lĩnh vực phát triển nông thôn

- Trong giai đoạn 2021-2025, các xã tiếp tục xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện theo hướng xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Phân đầu đến năm 2025 có 01 huyện và 35 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020. Các xã còn lại tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 của Chính phủ theo hướng nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới đảm bảo phát triển bền vững để hướng tới xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

- Đẩy mạnh phát triển các làng nghề, làng nghề truyền thống gắn với thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực tổ chức sản xuất và tiếp cận thị trường tiêu thụ sản phẩm cho nông dân; khuyến khích phát triển, nâng cao giá trị các sản phẩm đặc sản và sản phẩm nông nghiệp truyền thống của tỉnh. Xây dựng điểm giới thiệu, bán sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh. Tham gia hội chợ giới thiệu sản phẩm OCOP và các Hội nghị kết nối cung cầu sản phẩm OCOP trong và ngoài tỉnh. Phân đầu đến năm 2025 có ít nhất 150 sản phẩm OCOP được công nhận đánh giá xếp hạng 3 sao cấp tỉnh trở lên.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng quản lý vận hành các công trình cấp nước trên địa bàn tỉnh tiến tới công tác dịch vụ chuyên nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đồng thời tăng cường công tác thông tin - giáo dục - truyền thông làm thay đổi nhận thức và thói quen của người dân đối với việc sử dụng nước sạch và vệ sinh môi trường. Đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ, công nhân vận hành và tìm kiếm những giải pháp công nghệ kỹ thuật cấp nước phù hợp, hiệu quả khi có yêu cầu nâng cấp, mở rộng các công trình cấp nước hiện có.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Thủ trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, căn cứ vào kế hoạch này tổ chức triển khai thực hiện.

2. Định kỳ hàng quý, 6 tháng và cuối năm các đơn vị báo cáo về Sở Nông nghiệp & PTNT kết quả thực hiện kế hoạch.

3. Giao Phòng Kế hoạch - Tài chính chủ trì phối hợp với Văn phòng Sở theo dõi, tổng hợp báo cáo theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Kế hoạch & ĐT; (p/h)
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở (t/h)
- Lưu: VT; KHTC.

GIÁM ĐỐC

Lê Hoàng Thuyên